

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19-9-2025
“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Khánh
Bà Phạm Hồ Quỳnh Uyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Ngọc Y, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 402/11/7 Trường C, phường An Kh (phường Hòa A cũ), TP.Đà Nẵng; có mặt.

Bị đơn: Ông Huỳnh Đức H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 402/11/7 Trường C, phường An Khê (phường Hòa An cũ), TP.Đà Nẵng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2025, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị Ngọc Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Ngọc Y xác định, bà và ông Huỳnh Đức H cưới nhau năm 2005, kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoà An, quận Cẩm Lệ nay là phường An Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng bà Y chung sống một thời gian khoảng 2 năm tại Thành phố Hồ Chí Minh sau đó về thành phố Đà Nẵng. Hai vợ sống với nhau nhưng không được hạnh phúc, do nhiều

nguyên nhân khác nhau, cụ thể: Ông H không tôn trọng bà Y và xem thường gia đình bà Y, thậm chí ngăn cấm bà về nhà thăm cha mẹ ngay cả lúc đau ốm, hai người không có tiếng nói chung, sự việc kéo dài từ lâu nhưng bà Y vẫn cố sống cam chịu để nuôi dạy con cái. Nay hai con đã lớn, bà Y không muốn kéo dài cuộc hôn nhân với ông H nên hai người đã sống ly thân. Ông H sống tại nhà cha mẹ ông, bà Y ra thuê nhà ở riêng. Nay bà Y xác định không còn tình cảm và không còn thương yêu ông H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Đức H.

Về con chung: Bà Trịnh Thị Ngọc Y xác định, bà và ông H có hai con chung là Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 16/6/2006 và Huỳnh Đức T1, sinh ngày 28/7/2007. Ly hôn, do hai con chung đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Trịnh Thị Ngọc Y xác định, bà và ông H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trịnh Thị Ngọc Y xác định, bà và ông H không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Đức H đã được Tòa án tổng đạt các thông báo, quyết định của Tòa án và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày, tuy nhiên phiên Tòa đã được mở lại lần thứ hai nên quyền lợi của bị đơn đã được bảo đảm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Ngọc Y về việc xin ly hôn đối với ông Huỳnh Đức H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trịnh Thị Ngọc Y được ly hôn đối với ông Huỳnh Đức H.

Về quan hệ con chung: Không xem xét.

Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Thị Ngọc Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp ly hôn với bị đơn ông Huỳnh Đức H; trú tại: Số 402/11/7 Trường C, phường An Khê (phường Hòa An cũ), TP.Đà Nẵng. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Đức H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Đức H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị Ngọc Y xin được ly hôn với ông Huỳnh Đức H.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Bà Trịnh Thị Ngọc Y với ông Huỳnh Đức H xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hoà An, quận Cẩm Lệ nay là phường An Khê, thành phố Đà Nẵng vào năm 2007 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau kết hôn, cuộc sống hôn nhân của bà Y với ông H không hạnh phúc, thể hiện hai người không sống chung với nhau nữa, bà Y đã ra thuê nhà ở riêng, ông H ở lại nhà cha mẹ ông, từ khi bà Y làm đơn xin ly hôn đến nay Tòa án đã tổng đạt các thông báo, quyết định và triệu tập để ông H đến trình bày ý kiến nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông H nhận được các văn bản của Tòa án nhưng không đến Tòa án, không có bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương nhưng không ai biết mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà Y với ông H vì bà Y với ông H không thông báo cho chính quyền địa phương về mâu thuẫn. Nhưng qua việc ông H nhận được các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng không đến Tòa án, không tham gia hòa giải, không có bản khai hay bất kỳ văn bản trình bày nào gửi Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, điều đó chứng tỏ ông H không muốn níu kéo cuộc sống hôn nhân với bà Y. Từ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của bà Y và ông H đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà Y đối với ông Huỳnh Đức H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Y xác định, bà với ông H có hai chung là Huỳnh Thị Ngọc T, sinh ngày 16/6/2006 và Huỳnh Đức T1, sinh ngày 28/7/2007, hiện hai con đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Y xác định, bà với ông H không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Y xác định, bà với ông H không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Thị Ngọc Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị Ngọc Y đối với ông Huỳnh Đức H về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trịnh Thị Ngọc Y được ly hôn đối với ông Huỳnh Đức H.

2. Về quan hệ con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trịnh Thị Ngọc Y phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) Bà Y đã nộp tại biên lai thu số 0000415 ngày 14/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Y đã nộp đủ án phí.

6. Về kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 19/9/2025.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- UBND An Khê (Hoà An cũ), thành phố Đà Nẵng, số 41/2007;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh